



Member of JHI International

NOI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

2-3

Báo cáo kiểm toán

4-5

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán

6-10

- Bảng quả hạch công trình doanh

11-13

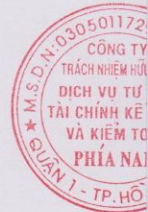
Bảng chi phí chuyển đổi

14-15

## CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG - THƯƠNG MẠI & DU LỊCH

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tel: (08) 38205944 - 38205947; Fax: (08) 38205942

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động-Thương mại và Du lịch (sau đây gọi là Công ty) kính báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 3
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 28

### Hiện trạng cơ cấu vốn

Là công ty TNHH MTV một thành viên thuộc Lao động - Thương mại và Du lịch (sau đây gọi là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 24/1973/QĐ-VND.

### Các đơn vị trực thuộc:

- 1-Trung tâm cấp nghề Miền Tây Du lịch  
Địa chỉ: 6 Phan Đình Giót, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- 2- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 5, Lô E5, Khu nhà Văn học, phường Trưng Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- 3- Chi nhánh Miền Bắc - Công ty TNHH MTV XUẤT - THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH  
Địa chỉ: 6 Phan Đình Giót, 702, D Tân Bình, TP HCM.
- 4- Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch tại Thành phố Đà Nẵng  
Địa chỉ: 38 Trưng Vương, Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Nghệ An.
- 5- Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch tại Nghệ An  
Địa chỉ: 38 Trưng Vương, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- 6- Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch tại Bình Định  
Địa chỉ: 38 Trưng Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

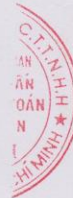
### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm kết thúc ngày 31/12/2012 là 292.293.881 VND (Công ty năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 735.840.021 VND).

Tại chuẩn giá trị phải trả tại kết thúc ngày 31/12/2012 là 1.134.124.253 VND (tại kết thúc ngày 31/12/2011 là 773.093.233 VND).

### Công ty hiện tại ngày 31/12/2012 đã hoàn tất báo cáo tài chính

Kiểm toán và hiện trạng tài sản của Công ty năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH MTV Kiểm toán và Chứng nhận độc lập số 19/2013/CTKT.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### Công ty

Công ty TNHH một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại & Du lịch (SOVILACO) là doanh nghiệp nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại & Du lịch theo Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu. Quyết định chuyển đổi số 809/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300467483, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/03/2012, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty : Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật; Kinh doanh du lịch trong nước và quốc tế; Dạy nghề; Dạy ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo nhu cầu xã hội; Tư vấn du học nước ngoài ngoài; Cho thuê văn phòng; Xuất nhập khẩu hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.

### Hình thức sở hữu vốn

Là công ty TNHH một thành viên do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm chủ sở hữu, vốn điều lệ được xác định tại thời điểm 31/12/2012 là 26.141.703.470 VND.

### Các đơn vị trực thuộc:

#### 1-Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế

Địa chỉ : 6 Phan Đình Giót, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5, Lô E9, tòa nhà Vimeco, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

#### 3. Chi nhánh Nhật Bản - Công ty TNHH MTV XKLD - TM&DL

Địa chỉ: 06 Phan Đình Giót, P02, Q Tân Bình, Tp.HCM

#### 4. Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch tại Nghệ An

Địa chỉ: Xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

#### 5. Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch tại Nghệ An

Địa chỉ: Số 4 đường Lê Viết Thuật, Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Nghệ An

#### 6. Văn phòng Đại diện Công ty Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch tại Ninh Bình

Số 5/1 đường Cát Linh, phố Phúc Tân, phường Tân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2012 là 392.299.681 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 535.848.021 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2012 là 1.134.124.253 VND (Tại thời điểm 31/12/2011 lợi nhuận chưa phân phối là 773.033.231 VND).

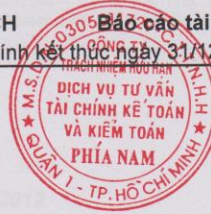
### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Số 1 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



**Ban lãnh đạo, điều hành và kiểm soát viên**

Ông NGUYỄN THẾ HIÊN	Chủ tịch Công ty
Ông VŨ MINH XUYỀN	Tổng Giám đốc
Bà HÀ THỊ DUNG	Phó Tổng Giám đốc
Bà PHAM THỊ HỒNG VÂN	Phó Tổng Giám đốc
Ông CHU VĨNH PHÚC	Kiểm soát viên

**Kế toán trưởng**

Bà NGUYỄN THỊ HOÀI THU Trưởng phòng kế toán

**Kiểm toán viên**

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 02 tháng 05 năm 2013

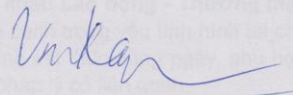
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2013

**Chủ tịch công ty**

**TM. Ban Giám đốc**



**NGUYỄN THẾ HIÊN**  
Chủ tịch công ty

  
**VŨ MINH XUYỀN**  
Tổng Giám đốc



Số: 367/BCKT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (SOVILACO)

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG - THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (SOVILACO) được lập ngày 10/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

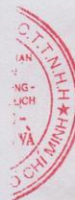
### Ý kiến của kiểm toán viên:

- Theo Biên bản giao nhận vốn ngày 29/11/2007 giữa Bộ Lao động Thương binh Xã hội và Công ty, trong đó bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 1 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh theo hình thức đất giao không thu tiền sử dụng đất với giá trị là 11.178.840.000 đồng. Tuy nhiên theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 22/04/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, chuyển qua hình thức thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Nhưng phần vốn đầu tư của chủ hữu trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty chưa hạch toán giảm tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là 11.178.840.000 đồng.

- Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ từ các khách nợ và chủ nợ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2012.

- Cho đến thời điểm 31/12/2012 Quỹ khen thưởng phúc lợi bị âm 1.239.994.995 đồng, do Công ty chi khen thưởng phúc lợi vượt quá phần trích quỹ hàng năm là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (SOVILACO) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc



**ĐỖ KHẮC THANH**  
CPA số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

**PHÙNG VĂN THẮNG**  
CPA số: 0650/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.124.145.513</b>	<b>37.828.920.704</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.976.953.359</b>	<b>5.280.605.352</b>
1. Tiền	111	03	7.976.953.359	5.280.605.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>04</b>	<b>5.301.960.000</b>	<b>12.101.960.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.427.160.000	13.227.160.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.125.200.000)	(1.125.200.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.245.667.262</b>	<b>10.863.860.503</b>
1. Phải thu khách hàng	131		943.904.787	102.671.723
2. Trả trước cho người bán	132		137.502.488	231.229.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	10.561.350.753	12.963.087.130
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.397.090.766)	(2.433.127.635)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.302.623</b>	<b>21.302.623</b>
1. Hàng tồn kho	141	06	21.302.623	21.302.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.578.262.270</b>	<b>9.561.192.226</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.930.024	261.222.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		844.500.937	684.049.155
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	07	25.420.330	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	3.686.410.979	8.615.920.934

7483-1-C  
CÔNG TY  
HỆM HỮU HẠ  
THÀNH VIÊN  
TỔNG CÔNG TY  
XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-  
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH  
CÔNG ĐỒNG  
TÂN BÌNH V  
SÀI GÒN  
TP. HỒ C

3305012  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
DỊCH VỤ  
VỊ CHÍNH C  
VÀ KIỂM  
PHÍA N  
1 - TP. H

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.179.626.957</b>	<b>78.045.849.438</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.900.868.451</b>	<b>68.429.263.182</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	26.874.213.290	29.705.006.299
- Nguyên giá	222		45.913.812.732	45.815.137.089
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.039.599.442)	(16.110.130.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	37.601.950.895	38.159.723.890
- Nguyên giá	228		39.942.122.292	39.906.711.292
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.340.171.397)	(1.746.987.402)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	424.704.266	564.532.993
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>6.339.238.400</b>	<b>6.271.889.600</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.186.000.000	7.186.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(846.761.600)	(914.110.400)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.939.520.106</b>	<b>3.344.696.656</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.620.847.597	1.987.024.147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	13	1.318.672.509	1.357.672.509
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>105.303.772.470</b>	<b>115.874.770.142</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.918.035.776</b>	<b>79.829.701.506</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.047.959.219</b>	<b>29.022.417.268</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		363.552.115	249.308.704
3. Người mua trả tiền trước	313		1.377.197.749	5.505.061.338
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	454.685.413	704.993.958
5. Phải trả người lao động	315		733.493.818	995.654.916
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	20.359.025.120	22.593.440.517
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.239.994.995)	(1.026.042.165)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>46.870.076.557</b>	<b>50.807.284.238</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	16	3.296.469.016	7.862.630.864
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	415.022.374
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		43.573.607.541	42.529.631.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.385.736.694</b>	<b>36.045.068.636</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>35.782.562.838</b>	<b>35.441.894.780</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.141.703.470	26.141.703.470
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.066.061.119	1.066.061.119
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.996.690.029	5.996.690.029
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.464.406.931	1.464.406.931
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(20.422.964)	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.134.124.253	773.033.231
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>603.173.856</b>	<b>603.173.856</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		603.173.856	603.173.856
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>105.303.772.470</b>	<b>115.874.770.142</b>



### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
- Giữ hộ sổ tiết kiệm lao động Nhật (VND)		430.000.000	3.328.000.000
- Giữ hộ sổ tiết kiệm lao động Hàn Quốc (VND)		2.442.040.000	2.922.560.000
- Giữ hộ sổ tiết kiệm lao động Đài Loan (VND)		84.000.000	15.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		12.744,84	17.173,29
- JPY		3.006.837,00	39.840,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Giám đốc

*(Handwritten signatures in blue ink)*

NGUYỄN THỊ HOÀI THU

VŨ MINH XUYỀN



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	31.857.198.723	29.521.915.535
02	Các khoản giảm trừ		10.000.000	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	31.847.198.723	29.521.915.535
11	Giá vốn hàng bán	20	16.771.672.978	14.175.344.654
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.075.525.745	15.346.570.881
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.312.807.574	3.534.242.067
22	Chi phí tài chính	22	(44.309.332)	96.712.000
23	Trong đó: chi phí lãi vay		-	-
24	Chi phí bán hàng		2.660.932.023	1.469.020.637
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.827.104.651	16.699.023.043
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(55.394.023)	616.057.268
31	Thu nhập khác		657.179.815	46.618.383
32	Chi phí khác		85.652.062	-
40	Lợi nhuận khác		571.527.753	46.618.383
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		516.133.730	662.675.651
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	123.834.049	126.827.630
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		392.299.681	535.848.021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOÀI THU

VŨ MINH XUYỀN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	19.232.492.449	16.782.754.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.924.139.652)	(19.253.856.905)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.045.847.748)	(10.011.048.640)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(18.289.940)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(620.969.102)	(167.086.795)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	196.038.687.746	139.172.049.111
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(194.716.364.609)	(133.459.562.407)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(10.054.430.856)</b>	<b>(6.936.751.364)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32.280.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.066.829	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.289.188.251)	(15.115.265.991)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	94.540.290.849	15.115.265.991
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.276.899.435	3.473.675.613
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14.500.788.862</b>	<b>3.473.675.613</b>

483-T-C.T.  
CÔNG TY  
HỮU HẠN  
TÂN BÌNH VÀ  
DU LỊCH  
HỘI  
TP. HỒ CHÍ MINH

33050117  
CÔNG T  
TRÁCH NHIỆM H  
DỊCH VỤ T  
CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM T  
PHIA NA  
TP. HỒ CHÍ MINH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.250.053.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.029.121)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.250.053.000</b>	<b>(1.029.121)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.696.411.006</b>	<b>(3.464.104.872)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.280.542.352</b>	<b>8.743.011.047</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.699.177
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.976.953.359</b>	<b>5.280.605.352</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013  
Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOÀI THU

VŨ MINH XUYỀN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH một thành viên Xuất khẩu Lao động - Thương mại & Du lịch (SOVILACO) là doanh nghiệp nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại & Du lịch theo Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu. Quyết định chuyển đổi số 809/QĐ-LĐTĐ ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300467483, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/03/2012, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty : Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật; Kinh doanh du lịch trong nước và quốc tế; Dạy nghề; Dạy ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo nhu cầu xã hội; Tư vấn du học nước ngoài; Cho thuê văn phòng; Xuất nhập khẩu hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### *- Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:*

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ, báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bằng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ, và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

**- Các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Cuối quý, cuối niên kế toán độ đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

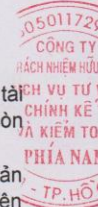
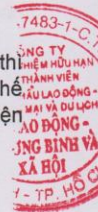
TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**





Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

*Trong đó:*  
- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;  
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Xác định chênh lệch theo quy định hiện hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



3. TIỀN	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.380.718.758	1.209.363.570
Tiền gửi ngân hàng	3.563.338.445	4.034.935.759
Tiền đang chuyển	32.896.156	36.306.023
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.976.953.359</b>	<b>5.280.605.352</b>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	<b>SL cổ phần</b>	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	1.927.160.000	1.927.160.000
<i>Công ty cổ phần Điện cơ lạnh REE</i>	22.000 22.000	1.228.580.000
<i>NH TMCP Sài Gòn thương tín</i>	15.214 15.214	698.580.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	4.500.000.000	11.300.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.125.200.000)	(1.125.200.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.301.960.000</b>	<b>12.101.960.000</b>

Ghi chú: (\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	10.561.350.753	12.963.087.130
<i>Công ty KSFB</i>	-	36.036.869
<i>Công ty A.F.A</i>	3.424.350.702	3.424.350.702
<i>Công ty kinh doanh nhà TP.HCM</i>	92.535.341	92.535.341
<i>Tiền ứng cho CBCNV trường NLQT</i>	-	1.326.567.570
<i>Công ty cổ phần Kim loại màu Bắc Hà</i>	4.984.530.000	5.484.530.000
<i>Trung tâm ngoại ngữ Sáng Kiến Ý</i>	-	1.170.864.000
<i>CB-CNV (Thuế TNCN)</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.059.934.710	1.428.202.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.561.350.753</b>	<b>12.963.087.130</b>

6. HÀNG TỒN KHO	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Thành phẩm	21.302.623,00	21.302.623
Hàng hóa	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.302.623</b>	<b>21.302.623</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND.  
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND  
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không có.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2012	01/01/2012
--	------------	------------

	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.420.330	-
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.420.330</b>	<b>-</b>
<b>8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	367.071.101	-
Tạm ứng	3.319.326.667	8.052.434.450
Tài sản ngắn hạn khác	13.211	563.486.484
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.686.410.979</b>	<b>8.615.920.934</b>



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**  
Số 1 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

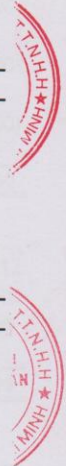
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	28.962.035.123	9.892.360.002	3.008.756.227	3.951.985.737	-	45.815.137.089
2. Số tăng trong kỳ	-	78.909.091	-	144.663.637	-	223.572.628
Bao gồm:						
- Mua sắm mới	-	78.909.091	-	49.005.000	-	127.914.091
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	95.658.537	-	95.658.537
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	124.896.985	-	124.896.985
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	124.896.985	-	124.896.985
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	28.962.035.123	9.971.269.093	3.008.756.227	3.971.752.289	-	45.913.812.732
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	4.306.464.554	5.932.518.490	2.633.374.082	3.237.773.664	-	16.110.130.790
2. Tăng trong kỳ	1.063.231.100	1.376.082.098	164.390.004	428.976.089	-	3.032.679.291
- Khấu hao trong kỳ	1.063.231.100	1.374.165.372	164.390.004	428.976.089	-	3.030.762.565
- Tăng khác	-	1.916.726	-	-	-	1.916.726
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	103.210.639	-	103.210.639
Gồm:						
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	103.210.639	-	103.210.639
4. Số dư cuối kỳ	5.369.695.654	7.308.600.588	2.797.764.086	3.563.539.114	-	19.039.599.442
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	24.655.570.569	3.959.841.512	375.382.145	714.212.073	-	29.705.006.299
2. Tại ngày cuối kỳ	23.592.339.469	2.662.668.505	210.992.141	408.213.175	-	26.874.213.290

21

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	39.827.281.692	79.429.600	39.906.711.292
2. Số tăng trong năm	-	35.411.000	35.411.000
<i>Bao gồm:</i>			
- Mua trong năm	-	35.411.000	35.411.000
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-
- Tặng do hợp nhất KD	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>			
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	39.827.281.692	114.840.600	39.942.122.292
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	1.732.556.298	14.431.104	1.746.987.402
2. Số tăng trong năm	582.360.752	10.823.328	593.184.080
3. Số giảm trong năm	-	85	85
<i>Bao gồm:</i>			
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	85	85
4. Số dư cuối năm	2.314.917.050	25.254.347	2.340.171.397
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	38.094.725.394	64.998.496	38.159.723.890
2. Tại ngày cuối năm	37.512.364.642	89.586.253	37.601.950.895



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Số 1 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**11. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
+ Công trình mở rộng Trường NLQT	357.508.623	334.781.350
+ Chi phí xây dựng 293 Điện Biên Phủ	67.195.643	229.751.643
+ Công trình khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>424.704.266</b>	<b>564.532.993</b>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	Số lượng	
- Đầu tư cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
CP NH TMCP Ngoại thương VN	12.472	11.136
	1.186.000.000	1.186.000.000
- Đầu tư trái phiếu		
NH Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
CP NH TMCP Ngoại thương VN	(846.761.600)	(914.110.400)
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.339.238.400</b>	<b>6.271.889.600</b>

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.318.672.509	1.357.672.509
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.318.672.509</b>	<b>1.357.672.509</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	53.832.906	67.175.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.191.003	206.169.654
Thuế thu nhập cá nhân	219.661.504	431.649.135
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>454.685.413</b>	<b>704.993.958</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	33.758.039	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	50.505.611	-



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Số 1 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Các khoản phải trả phải nộp khác	20.274.761.470	22.593.440.517
<i>Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng</i>	-	-
<i>Đặt cọc của KSFB</i>	494.269.000	494.269.000
<i>Phải trả lao động Nhật</i>	4.817.842.937	6.021.269.856
<i>Phải trả lao động Hàn Quốc</i>	7.133.608.716	8.987.569.985
<i>Phải trả lao động UAE</i>	-	-
<i>Phải trả lao động Đài Loan</i>	60.043.784	36.293.784
<i>Phải trả lao động Nam Phi</i>	49.091.077	500.038.773
<i>Phải trả lao động Quát-Dubai</i>	90.355.252	19.133.332
<i>Phải trả lao động Malaysia</i>	1.107.928.021	2.125.214.606
<i>Phải trả lao động Singapor, khác</i>	-	2.668.279.251
<i>Lãi tiền tiền gửi phải trả</i>	40.370.409	-
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	6.481.252.274	1.741.371.930
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.359.025.120</b>	<b>22.593.440.517</b>
<b>16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC</b>		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	3.296.469.016	7.862.630.864
Phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.296.469.016</b>	<b>7.862.630.864</b>

1483-  
CÔNG TY  
HỮU HỮU  
TÂN BÌNH  
MẠI VÀ D  
O BÓN  
G BÍN  
A HỘ  
TP. V

11729-  
CÔNG TY  
HỮU HỮU  
VỤ TƯ V  
NH KẾ T  
IỂM TOÁ  
TÂN NAM  
TP. HỒ C

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc nguồn vốn KD	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>26.141.703.470</b>	<b>1.066.061.119</b>	<b>5.996.690.029</b>	<b>1.464.406.931</b>	<b>-</b>	<b>501.001.500</b>	<b>35.169.863.049</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	535.848.021	535.848.021
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(263.816.290)	(263.816.290)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.141.703.470</b>	<b>1.066.061.119</b>	<b>5.996.690.029</b>	<b>1.464.406.931</b>	<b>-</b>	<b>773.033.231</b>	<b>35.441.894.780</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	392.299.681	392.299.681
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(20.422.964)	(31.208.659)	(51.631.623)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>26.141.703.470</b>	<b>1.066.061.119</b>	<b>5.996.690.029</b>	<b>1.464.406.931</b>	<b>(20.422.964)</b>	<b>1.134.124.253</b>	<b>35.782.562.838</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	26.141.703.470	26.141.703.470
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.141.703.470</b>	<b>26.141.703.470</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	26.141.703.470	26.141.703.470
Vốn góp tăng trong năm (*)	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	26.141.703.470	26.141.703.470
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

*Ghi chú: (\*) Công ty chưa điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên.*

**d) Các quỹ của công ty**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.996.690.029	5.996.690.029
Quỹ dự phòng tài chính	1.464.406.931	1.464.406.931
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(20.422.964)	-



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG-THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH** Báo cáo tài chính  
Số 1 Phố Quang, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.857.198.723	29.521.915.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.857.198.723</b>	<b>29.521.915.535</b>

**19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuận về sản phẩm, hàng hoá	-	-
Doanh thu thuận dịch vụ	31.847.198.723	29.521.915.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.847.198.723</b>	<b>29.521.915.535</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.771.672.978	14.175.344.654
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.771.672.978</b>	<b>14.175.344.654</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.246.422.836	3.286.110.739
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.520.981	211.627.390
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.863.757	34.810.761
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.693.177
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.312.807.574</b>	<b>3.534.242.067</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.221.443	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.818.025	-
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu t	(67.348.800)	96.712.000
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>(44.309.332)</b>	<b>96.712.000</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	123.834.049	126.827.630
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.834.049</b>	<b>126.827.630</b>

**24. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Lợi nhuận kế toán trước thuế)	Năm nay VND	Năm trước VND
- Công ty Sovilaco	382.385.619	362.652.381
- Trường Nhân lực Quốc tế	9.483.390	256.119.926
- Chi nhánh Hà Nội	115.627.212	43.903.344
- Chi nhánh Nhật Bản	8.637.509	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>516.133.730</b>	<b>662.675.651</b>

**25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước)*

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Sovilaco, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOÀI THU

VŨ MINH XUYỀN



